

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG**

Bản án số 50 /2023/HNGĐ-ST

Ngày 04 / 07 /2023

"V/v Ly hôn".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

[1]. Ông Trần Đức Hòa

[2]. Ông: Phạm Thành Đô.

Thư ký phiên tòa: bà Mai Thị Chang - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, thụ lý số 74 /2023/ TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2023 về việc "Ly hôn", Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn T T H ; sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ : Thôn 2 , xã N T , huyện B Đ , tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Điều H; sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ : Thôn 2 , xã N T , huyện B Đ , tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Chị Nguyễn T T H xin vắng mặt tại phiên tòa, theo đơn khởi kiện ngày 20/03/2023 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:

Tôi và anh Điều H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998, đến ngày 14/5/2007 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N T , huyện B Đ , tỉnh Bình Phước số đăng ký kết hôn 51, quyển số 01/2007, quá trình sống chung vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Hiệp thường xuyên uống rượu say xỉn, về nhà có hành vi bạo lực gia đình, làm ảnh hưởng sức khỏe và làm ăn kinh tế gia đình, vợ chồng không còn tôn trọng và tin tưởng nhau nữa , mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hạnh phúc gia đình không có, nay tình cảm vợ chồng không còn, không duy trì được hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Điều Minh Đ, sn 2000, Điều Thị D, sn 2003. Đã thành niên, không yêu cầu giải quyết; Điều Thị Bích N, sinh ngày 21/3/2013, Điều Tiến P, sinh ngày 09/09/2018, nguyên vọng chị Nguyễn T T H nhận nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

3/Về tài sản chung, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Nợ chung: không có, không yêu cầu.

Bị đơn anh Điều H, mặc dù tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: chị Nguyễn T T H có đăng ký kết hôn với anh Điều H, nay chị Hương xin ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là “ Tranh chấp ly hôn”, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng chị Nguyễn T T H và anh Điều H tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn T T H và anh Điều H là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, chị Nguyễn T T H và anh Điều H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng, anh Điều H mặc dù tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Nguyễn T T H được ly hôn với anh Điều H.

[4] Về con chung: Điều Minh Đ, sn 2000, Điều Thị D, sn 2003. Đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Cháu Điều Thị Bích N, sinh ngày 21/3/2013, theo lời khai thì cháu muốn ở với mẹ. Cháu Điều Tiến P, sinh ngày 09/09/2018 còn nhỏ. Các cháu hiện đang ở với chị Hương, vì vậy cần giao các cháu cho chị Nguyễn T T H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng : Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng.

[5]. Về tài sản chung , tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]Nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[7]Về án phí: Chị Nguyễn T T H nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Nguyễn T T H được ly hôn với anh Điều H.

[2] Về con chung: Điều Minh Đ, sn 2000, Điều Thị D, sn 2003. Đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Giao cháu cháu Điều Thị Bích N, sinh ngày 21/3/2013, Điều Tiến P, sinh ngày 09/09/2018 cho chị Nguyễn T T H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng.

[3] Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Nguyễn T T H nộp số tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000526 ngày 01/7/2022(đã nộp xong).

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích lục bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bù Đăng, ngày 07 tháng 02 năm 2023

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 07 tháng 02 năm 2023. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Xuyên

- [1] Bà Lê Thị Thận;
[2] Ông Trần Đức Hòa;

Tiến hành nghị án đối với vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 139 /2022/ TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc "Ly hôn", Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80 /2022/QĐST – HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn T T H ; sinh năm 1989 (vắng mặt)
Địa chỉ : Thôn 4 , xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng , tỉnh Bình Phước.
Bị đơn: anh Điều H; sinh năm 1987 (vắng mặt)
Địa chỉ : Thôn 4 , xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng , tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, và quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
 - Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự
 - Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;
- [1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Nguyễn T T H được ly hôn với anh Điều H. (Biểu quyết 3/3)

[2] Về con chung , giao cháu Nguyễn Hoàng Khang, sinh ngày 01/03/ 2016; Nguyễn Hoàng Bích Huyền, sinh ngày 18/4/2018 cho chị Nguyễn T T H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. (Biểu quyết 3/3)

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng. (Biểu quyết 3/3)
[3] Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. (Biểu quyết 3/3)

[4] Nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

(Biểu quyết 3/3)

[5] Về án phí: chị Nguyễn T T H nộp số tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000526 ngày 01/7/2022(đã nộp xong).

(Biểu quyết 3/3)

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích lục bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú. (Biểu quyết 3/3)

Biên bản nghị án kết thúc vào hồi 14 giờ 40 phút cùng ngày, đã đọc lại các thành viên trong Hội đồng xét xử nghe và ký tên.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyến